

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST.

Ngày: 29-3-2021.

V/v Tranh chấp dân sự nợ hui, vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Hai

2. Bà Hồ Thị Mai Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 784/2020/TLST-DS, ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp dân sự nợ hui, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-DS ngày 23/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-DS ngày 12/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 108, tổ 4, ấp 5, xã BS, huyện B, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn L là bà Nguyễn Thị Tuyết Mai, sinh năm 1985. Địa chỉ: số nhà 151, tổ 34, khóm 3, phường 1, thành phố B, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Dương Thị Bé B, sinh năm 1974.

Địa chỉ: tổ 4, ấp 5, xã BS, huyện B, Đồng Tháp.

(Bà Mai có mặt; ông L, bà B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Tuyết Mai trình bày:

* Do có mối quan hệ quen biết và đã từng tham gia hui với nhau nhiều lần nên bà Bé B có tham gia 04 dây hui do ông L làm đầu thảo. Cụ thể như sau:

- Dây hui thứ nhất: Gồm 11 hui viên, hui mùa lúa 10.000.000 đồng/mùa, hui khui ngày 15/3/2016 âm lịch. Bà Bé B tham gia 01 phần, bà Bé B hốt hui lần thứ hai với số tiền 59.200.000 đồng vào ngày 15/8/2016 âm lịch. Bà Bé B không đóng tiền hui chết kể từ ngày hốt hui cho đến khi mãn

hụi, tổng cộng 09 lần với số tiền là 90.000.000 đồng.

Ông L yêu cầu bà Bé B trả tiền hụi chết chưa đóng là 90.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng x 90.000.000 đồng x 23 tháng = 17.181.000 đồng (tính từ ngày 15/3/2019 đến ngày 15/2/2021 âm lịch), tổng cộng bà Bé B phải trả cho ông L số tiền hụi là 107.181.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Gồm 12 hụi viên, hụi 5.000.000 đồng, hụi 03 tháng khui một lần, hụi khui ngày 15/3/2016 âm lịch đến 15/3/2019 âm lịch là mãn hụi. Bà Bé B tham gia 01 phần, bà Bé B hốt hụi lần thứ hai với số tiền 35.000.000 đồng vào ngày 15/6/2016 âm lịch. Từ khi hốt hụi cho đến ngày mãn hụi vào ngày 15/3/2019 âm lịch thì bà Bé B không đóng tiền hụi chết, tổng cộng 10 lần hụi chết với số tiền là 50.000.000 đồng.

Ông L yêu cầu bà Bé B trả tiền hụi chết chưa đóng là 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng x 50.000.000 đồng x 23 tháng = 9.545.000 đồng (tính từ ngày 15/3/2019 âm lịch đến ngày 15/2/2021 âm lịch là 23 tháng), tổng cộng bà Bé B phải trả cho ông L số tiền hụi là 59.545.000 đồng.

- Dây hụi thứ B: Gồm 14 hụi viên, hụi tháng 1.000.000 đồng/tháng, hụi khui ngày 14/02/2016 âm lịch đến 14/04/2017 âm lịch là mãn hụi. Bà Bé B tham gia 01 phần, bà Bé B hốt hụi lần thứ nhất với số tiền 13.000.000 đồng vào ngày 14/02/2016 âm lịch. Bà Bé B đã đóng được 04 lần hụi chết với số tiền 4.000.000 đồng. Từ ngày 14/7/2016 âm lịch cho đến ngày mãn hụi vào ngày 14/04/2017 âm lịch thì bà Bé B không đóng tiền hụi chết, tổng cộng 09 lần hụi chết với số tiền là 9.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Gồm 14 hụi viên, hụi tháng 1.000.000 đồng/tháng, hụi khui ngày 05/4/2016 âm lịch đến 05/6/2017 âm lịch là mãn hụi. Bà Bé B tham gia 01 phần, bà Bé B hốt hụi lần thứ hai với số tiền 11.000.000 đồng vào ngày 05/6/2016 âm lịch. Bà Bé B đã đóng được 02 lần hụi chết với số tiền 2.000.000 đồng. Từ ngày 05/9/2016 âm lịch cho đến ngày mãn hụi vào ngày 05/6/2017 âm lịch thì bà Bé B không đóng tiền hụi chết, tổng cộng 10 lần hụi chết với số tiền là 10.000.000 đồng.

Tổng cộng 04 dây hụi bà Bé B còn nợ ông L số tiền hụi là 185.726.000 đồng.

* Ông L có tham gia 02 dây hụi do bà Bé B làm đầu thảo. Cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Gồm 12 hụi viên, hụi tháng 1.000.000 đồng/tháng, hụi khui ngày 15/10/2015 âm lịch đến 15/10/2016 âm lịch là mãn hụi. Ông L tham gia 01 phần và đóng đến khi mãn hụi nhưng bà Bé B không giao tiền hụi cho ông L với số tiền 12.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền hoa hồng 400.000 đồng thì bà Bé B còn nợ ông L số tiền 11.600.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Gồm 13 hụi viên, hụi mùa 10.000.000 đồng/mùa, hụi khui ngày 10/12/2015 âm lịch. Ông L tham gia 01 phần và đóng hụi sống cho bà Bé B được B lần với số tiền 16.200.000 đồng thì bà Bé B bỏ ngang dây hụi này không chơi hụi nữa và cũng không trả số tiền 16.200.000 đồng cho ông L.

Tổng cộng hai dây hụi bà Bé B còn nợ ông L số tiền hụi là 27.800.000

đồng.

* Vào ngày 22/6/2017 âm lịch ông L có cho bà Bé B vay số tiền là 28.900.000 đồng cho đến nay bà Bé B chưa trả cho ông L. Ông L yêu cầu bà Bé B trả số tiền vay là 28.900.000 đồng và lãi suất tính từ 22/6/2017 âm lịch đến ngày 22/01/2021 âm lịch là 43 tháng x 28.900.000 đồng x 0,83%/tháng = 10.314.410 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi vay là 39.214.410 đồng.

Nay ông Lê Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị Bé B phải trả cho ông L tổng số tiền của 06 dây hui là 213.526.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất và số tiền vay là 39.214.410 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng cho đến khi bà Bé B trả hết nợ cho ông L, tổng số tiền là 252.740.410 đồng.

Bị đơn bà Dương Thị Bé B: đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

- Đơn xin xác nhận của bà Nguyễn Thị Tuyết Mai đề ngày 11/5/2020 (bản sao).
- Đơn thành lập tổ hùn vốn của bà Bé B ngày 10/12/2015, Sổ hui ngày 15/10/2015 âm lịch (tất cả là bản photo).
- Tổ hùn vốn xây dần của ông L ngày 15/3/2016 (photo).
- Biên nhận của bà Bé B đề ngày 15/8/2016 âm lịch (photo).
- Sổ hui mùa lúa 03 tháng của ông L đề ngày 15/3/2016 (photo).
- Biên nhận ngày 25/6/2016 âm lịch của bà Bé B và ông L (photo).
- Tổ hùn vốn xây dần của ông L đề ngày 5/4/2016 (photo).
- Biên nhận tiền của bà B đề ngày 4/6/2016 âm lịch (photo).
- Sổ hui tháng của ông L đề ngày 14/02/2016 (photo).
- Biên nhận hui của bà B đề ngày 14/2/2016 âm lịch (photo).
- Tờ thỏa thuận của bà B đề ngày 22/6/2017 (photo).
- Giấy CMND và sổ hộ khẩu của Lê Văn L (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Lê Văn L yêu cầu bà Dương Thị Bé B phải trả cho ông L tổng số tiền của 06 dây hui là 213.526.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất và số tiền vay là 39.214.410 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng cho đến khi bà Bé B trả hết nợ cho ông L, tổng số tiền là 252.740.410 đồng. Ngoài ra các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự nợ hui, vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân và do bị đơn có địa chỉ ở tổ 4, ấp 5, xã BS, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Dương Thị Bé B đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Bé B theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đối với việc thay đổi thành viên Hội đồng xét xử theo quyết định Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-DS ngày 23/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-DS ngày 12/3/2021 thì Hội thẩm nhân dân là ông Phạm Phước Tâm. Do ông Tâm bận công tác đột xuất không thể tham gia xét xử ngày 29/3/2021 nên thay thế Hội thẩm nhân dân là ông Trần Văn Bé Hai tham gia vào Hội đồng xét xử. Đương sự có mặt đồng ý về việc thay đổi này và đề nghị không hoãn phiên tòa, xét thấy phù hợp với Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Về nội dung:

Xét yêu cầu của ông Lê Văn L yêu cầu bà Dương Thị Bé B phải trả cho ông L tổng số tiền của 06 dây hụi là 213.526.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất và số tiền vay là 39.214.410 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng cho đến khi bà Bé B trả hết nợ cho ông L, tổng số tiền là 252.740.410 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

[5] Bà Dương Thị Bé B có chơi 04 dây hụi do ông Lê Văn L làm đầu thảo. Bà Bé B đã hốt hụi nhưng chưa đóng tiền hụi chết cho ông L. Cụ thể dây hụi thứ nhất bà Bé B không đóng tiền hụi chết tổng cộng 09 lần với số tiền là 90.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng x 90.000.000 đồng x 23 tháng = 17.181.000 đồng (tính từ ngày 15/3/2019 đến ngày 15/2/2021 âm lịch là 23 tháng), tổng cộng là 107.181.000 đồng; dây hụi thứ hai bà Bé B không đóng tiền hụi chết, tổng cộng 10 lần hụi chết với số tiền là 50.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng x 50.000.000 đồng x 23 tháng = 9.545.000 đồng (tính từ ngày 15/3/2019 âm lịch đến ngày 15/2/2021 âm lịch là 23 tháng), tổng cộng là 59.545.000 đồng; dây hụi thứ B bà Bé B không đóng tiền hụi chết, tổng cộng 09 lần hụi chết với số tiền là 9.000.000 đồng; dây hụi thứ tư bà Bé B không đóng tiền hụi chết, tổng cộng 10 lần hụi chết với số tiền hụi là 10.000.000 đồng. Tổng cộng 04 dây hụi bà Bé B còn nợ ông L số tiền hụi là 185.726.000 đồng.

[6] Ông Lê Văn L có tham gia 02 dây hụi do bà Dương Thị Bé B làm đầu thảo. Ông L đã đóng tiền hụi cho bà Bé B nhưng bà Bé B không trả tiền hụi cho ông L. Cụ thể dây hụi thứ nhất ông L đã đóng tiền hụi cho bà Bé B với số tiền 12.000.000 đồng trừ đi 400.000 đồng tiền hoa hồng thì bà Bé B còn nợ ông L số tiền hụi là 11.600.000 đồng; dây hụi thứ hai ông L tham gia 01 phần và đóng hụi sống cho bà Bé B được B lần với số tiền 16.200.000 đồng thì bà Bé B bỏ ngang dây hụi này không chơi hụi nữa và cũng không trả số tiền 16.200.000 đồng cho ông L. Tổng cộng hai dây hụi bà Bé B còn nợ

ông L số tiền hui là 27.800.000 đồng.

[7] Ngày 22/6/2017 âm lịch ông L có cho bà Bé B vay số tiền là 28.900.000 đồng cho đến nay bà Bé B chưa trả cho ông L, có lập tờ thỏa thuận ngày 22/6/2017. Ông L yêu cầu bà Bé B trả số tiền vay là 28.900.000 đồng và lãi suất tính từ 22/6/2017 âm lịch đến ngày 22/01/2021 âm lịch là 43 tháng \times 28.900.000 đồng \times 0,83%/tháng = 10.314.410 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi vay là 39.214.410 đồng.

[8] Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo kết quả công khai chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp nhưng bà Bé B vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, đồng thời bà Bé B cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào khoản 1, 2 và 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự có thể khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

Như vậy, việc bà Bé B còn nợ ông L tổng số tiền của 06 dây hui là 213.526.000 đồng và số tiền vay là 39.214.410 đồng, tổng cộng là 252.740.410 đồng là có thật và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó buộc bà Dương Thị Bé B có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn L số tiền nợ hui 213.526.000 đồng và số tiền vay là 39.214.410 đồng, tổng cộng là 252.740.410 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án thì bà Bé B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 226, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ Luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn L.

- Buộc bà Dương Thị Bé B có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn L số tiền nợ hui là 213.526.000 đồng và số tiền vay là 39.214.410 đồng. Tổng cộng là 252.740.410 (Hai trăm năm mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn bốn trăm mười đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bà Dương Thị Bé B phải chịu 12.637.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm B mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Lê Văn L không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 6.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004311 ngày 09/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSA (Đ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Nhã Uyên